

Số: 85/QĐ-PGDĐT

Cẩm Phả, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán bổ sung kinh phí hỗ trợ chênh lệch mức học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí của năm học 2021-2022 cho các đơn vị dự toán trực thuộc

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt đề án tự chủ và giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với 29 trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 4744/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND thành phố về việc thành lập đơn vị dự toán cấp I phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Phả;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 4968/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí năm học 2023-2024 cho trẻ em/học sinh theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch mức học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí của năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-PGDĐT ngày 29/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Phả về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự

nghiệp giáo dục năm 2024 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí hỗ trợ chênh lệch mức học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí của năm học 2021-2022 cho các đơn vị dự toán trực thuộc, số tiền: **38.509.625.000 đồng** (*Ba mươi tám tỷ năm trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, thủ trưởng các đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) lãnh đạo, chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (b/c);
- Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố;
- Kho bạc Nhà nước Cẩm Phả;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG PHÒNG

Đào Duy Hưng

PHỤ LỤC
BỔ SUNG KINH PHÍ HỖ TRỢ CHÊNH LỆCH MỨC HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2023-2024 SO VỚI MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Kèm theo Quyết định số: 85/QĐ-PGDĐT ngày 12/6/2024 của Phòng GD&ĐT Cẩm Phả)

TT	Chương	Khoản	Mã nguồn	Mã QHNS	Tên đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
					Tổng cộng	38.509.625.000	
I					Mầm non	8.837.805.000	
1	622	071	12	1042142	MN Quang Hanh	1.002.575.000	
2	622	071	12	1039613	MN Cẩm Thạch	401.275.000	
3	622	071	12	1109506	MN Hoa Hồng	661.500.000	
4	622	071	12	1039129	MN Cẩm Trung	658.700.000	
5	622	071	12	1042145	MN Hoa Sen	502.775.000	
6	622	071	12	1130508	MN Cẩm Bình	469.000.000	
7	622	071	12	1039127	MN Cẩm Tây	343.700.000	
8	622	071	12	1073284	MN Cẩm Đông	464.450.000	
9	622	071	12	1080767	MN Cẩm Sơn 1	435.050.000	
10	622	071	12	1073290	MN Cẩm Sơn 2	407.925.000	
11	622	071	12	1042808	MN Cẩm Phú	899.325.000	
12	622	071	12	1113086	MN Cẩm Thịnh	435.225.000	
13	622	071	12	1042809	MN Cửa Ông	932.750.000	
14	622	071	12	1080519	MN Mông Dương	1.100.925.000	
15	622	071	12	1114058	MN Cộng Hòa	47.520.000	
16	622	071	12	1114286	MN Cẩm Hải	30.200.000	
17	622	071	12	1108772	MN Dương Huy	44.910.000	
II					THCS	29.671.820.000	
1	622	073	12	1127133	TH&THCS Cộng Hòa	88.235.000	
2	622	073	12	1121570	TH&THCS Cẩm Hải	80.850.000	
3	622	073	12	1127099	TH&THCS Dương Huy	67.935.000	
4	622	073	12	1039477	THCS Suối Khoáng	1.334.880.000	
5	622	073	12	1039892	THCS Quang Hanh	1.916.640.000	
6	622	073	12	1062821	THCS Thống Nhất	1.632.720.000	
7	622	073	12	1039894	THCS Bái Tử Long	2.893.440.000	

TT	Chương	Khoản	Mã nguồn	Mã QHNS	Tên đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
8	622	073	12	1070387	THCS Trọng Điểm	2.630.640.000	
9	622	073	12	1070386	THCS Cẩm Thành	1.673.040.000	
10	622	073	12	1042472	THCS Cẩm Bình	1.424.640.000	
11	622	073	12	1127017	THCS Chu Văn An	2.093.280.000	
12	622	073	12	1042152	THCS Nam Hải	1.180.320.000	
13	622	073	12	1042475	THCS Ngô Quyền	1.347.360.000	
14	622	073	12	1059619	THCS Cẩm Sơn	2.754.720.000	
15	622	073	12	1068222	THCS Lý Tự Trọng	2.398.080.000	
16	622	073	12	1068221	THCS Cẩm Thịnh	1.640.400.000	
17	622	073	12	1041831	THCS Cửa Ông	2.132.160.000	
18	622	073	12	1039893	THCS Mông Dương	2.382.480.000	

Bảng chữ: Ba mươi tám tỷ năm trăm linh chính triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng.